

Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán
Auditing and accounting financial consultancy service Company (AASC)

01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 04-8241990/1 Fax: 04-8253973

Email: aasc-ndd@hn.vnn.vn / aaschn@hn.vnn.vn Website: www.aasc.com.vn

Khách hàng: Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thép và Vật liệu Điện Hà Nội

Niên độ: cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Khoản mục: Tổng hợp

Bước công việc: Tổng hợp các bút toán điều chỉnh

Tham chiếu:

Người thực hiện: Vũ Thị Hương Trà

Ngày thực hiện: 8/16/2010

BẢNG TỔNG HỢP CÁC BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH

Stt	Mã ĐV	Tham chiếu	Nội dung nghiệp vụ	Điều chỉnh trên KQKD và CDKT			Điều chỉnh trên CDKT			Ghi chú	Ý kiến khách hàng	
				TK Nợ	TK Có	Số tiền	TK Nợ	TK Có	Số tiền		Nội dung	Ngày
			NĂM NAY									
1	-		Điều chỉnh giảm chi phí sửa chữa lớn Công ty đang ghi tăng nguyên giá TSCĐ	242	211	122.500.000	242	211	122.500.000			
				2141	211	7.350.000	2141	211	7.350.000			
				632	211	17.150.000	421	211	17.150.000			
2	-		Điều chỉnh tăng chi phí khoản trợ cấp cho người lao động thôi việc trong kỳ Công ty đang để dư nợ trên TK 351	3341	351	22.023.206	334	351	22.023.206			
3	-		Điều chỉnh khoản chi phí trả trước dài hạn sang TK 242 cho phù hợp chuẩn mực kế toán	242	1421	49.912.730	242	1421	49.912.730			
4	-		Điều chỉnh khoản chi phí công tác Trung Quốc đã có chứng từ đang treo trên dư nợ TK 141	161	141	200.000.000	161	141	200.000.000			
				1388	141	15.990.280	1388	141	15.990.280			
5	-		Điều chỉnh bổ sung dự phòng nợ phải thu khó đòi	642	139	206.175.576	421	139	206.175.576			
6	-		Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành do ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh	3334	8211	8.880.034	3334	421	8.880.034			
			Cộng năm nay			649.981.826			649.981.826			
			NĂM TRƯỚC									
			Cộng năm trước			-			-			

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BIẾN THÉ
VÀ VẬT LIỆU ĐIỆN HÀ NỘI**

**Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
đã được soát xét**

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-25
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09-25

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BIẾN THÉ VÀ VẬT LIỆU ĐIỆN HÀ NỘI

Số 11, đường K2, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu Điện Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội là công ty cổ phần được thành lập do sự hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế Hà Nội theo Quyết định số 105/QĐ-HĐQT ngày 25/04/2005 của Tổng Công ty Thiết bị kỹ thuật điện.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 11, đường K2, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Tôn Long Ngà	Chủ tịch
Ông Trương Thanh Hà	Ủy viên
Bà Trương Thị Hương Lan	Ủy viên
Ông Đoàn Thế Dũng	Ủy viên
Ông Trần Ngọc Minh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đoàn Thế Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2010
Ông Tôn Long Ngà	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/07/2010
Ông Bùi Ngọc Thành	Phó Giám đốc	
Ông Hoàng Văn Chính	Phó Giám đốc	
Ông Đồng Văn Thìn	Phó Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Hà Anh	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thược	Thành viên
Bà Lê Vân Anh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BIẾN THỂ VÀ VẬT LIỆU ĐIỆN HÀ NỘI

Số 11, đường K2, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Đoàn Thế Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2010

Số: /2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

**Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
của Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu Điện Hà Nội**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu Điện Hà Nội**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu Điện Hà Nội được lập ngày 16 tháng 08 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu Điện Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2010

Hoàng Thúy Nga
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0762/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		38.856.330.784	38.111.345.507
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		3.792.021.327	5.565.807.904
111	1. Tiền	3	3.792.021.327	5.565.807.904
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		9.207.548.608	11.364.312.626
131	1. Phải thu của khách hàng	1.388	9.607.707.866	12.752.303.468
132	2. Trả trước cho người bán		1.192.184.340	32.158.540
135	5. Các khoản phải thu khác	4	60.056.160	26.074.800
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(1.652.399.758)	(1.446.224.182)
140	IV. Hàng tồn kho		24.818.198.587	19.550.902.513
141	1. Hàng tồn kho	5	24.818.198.587	19.550.902.513
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.038.562.262	1.630.322.464
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		173.783.687	246.941.240
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		835.878.516	994.138.724
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	6	28.900.059	389.242.500
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		19.271.219.836	20.415.413.566
220	II. Tài sản cố định		18.843.164.287	19.961.833.161
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	18.843.164.287	19.961.833.161
222	- Nguyên giá		33.830.551.958	33.736.945.322
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(14.987.387.671)	(13.775.112.161)
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	-	-
228	- Nguyên giá		16.274.000	16.274.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(16.274.000)	(16.274.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		428.055.549	453.580.405
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	428.055.549	453.580.405
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		58.127.550.620	58.526.759.073

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		19.971.772.111	19.784.151.858
310	I. Nợ ngắn hạn		19.971.772.111	19.777.765.864
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	5.707.000.005	7.426.252.005
312	2. Phải trả người bán		8.091.709.971	4.596.803.004
313	3. Người mua trả tiền trước		3.674.451.166	1.478.165.520
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	308.502.563	543.772.543
315	5. Phải trả người lao động		1.341.957.949	3.007.618.290
316	6. Chi phí phải trả	12	129.608.520	165.870.000
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	304.716.180	2.400.000.000
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		413.825.757	159.284.502
330	II. Nợ dài hạn		-	6.385.994
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	6.385.994
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		38.155.778.509	38.742.607.215
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	37.345.778.509	38.742.607.215
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		30.000.000.000	30.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.267.775.000	3.267.775.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		3.583.775.960	2.583.775.960
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		494.227.549	2.891.056.255
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		810.000.000	-
432	1. Nguồn kinh phí	15	810.000.000	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		58.127.550.620	58.526.759.073

Nguyễn Thị Lý
Kế toán trưởng

Đoàn Thế Dũng
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 08 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010	Từ 01/01/2009
			đến 30/06/2010	đến 30/06/2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	31.564.568.377	31.023.798.829
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.564.568.377	31.023.798.829
11	4. Giá vốn hàng bán	17	29.621.728.303	26.356.286.378
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.942.840.074	4.667.512.451
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	100.091.471	54.537.604
22	7. Chi phí tài chính	19	305.757.064	472.031.953
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		305.757.064	472.031.953
24	8. Chi phí bán hàng	20	89.309.785	134.212.177
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	1.419.646.362	1.458.094.718
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		228.218.334	2.657.711.207
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		228.218.334	2.657.711.207
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22.1	33.990.785	250.074.426
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>194.227.549</u>	<u>2.407.636.781</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	65	803

Nguyễn Thị Lý
Kế toán trưởng

Đoàn Thế Dũng
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 08 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2010	Từ 01/01/2009
			đến 30/06/2010	đến 30/06/2009
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		40.061.906.848	27.112.525.881
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(33.141.553.553)	(22.412.135.631)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(3.205.173.000)	(2.957.097.992)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(337.195.000)	(247.725.763)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(272.059.500)	(38.266.688)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.676.935.920	1.689.924.554
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.243.881.127)	(2.150.400.058)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.538.980.588	996.824.303
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(93.606.636)	(3.538.442.100)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		100.091.471	54.537.604
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.484.835	(3.483.904.496)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	5.914.595.555
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.719.252.000)	(7.027.112.105)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.600.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.319.252.000)	(1.112.516.550)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.773.786.577)	(3.599.596.743)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		5.565.807.904	6.463.740.363
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	3.792.021.327	2.864.143.620

Nguyễn Thị Lý
Kế toán trưởng

Đoàn Thế Dũng
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 08 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội là công ty cổ phần được thành lập do sự hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết bị điện và Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thế Hà Nội theo Quyết định số 105/QĐ-HĐQT ngày 25/04/2005 của Tổng Công ty Thiết bị kỹ thuật điện.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 11, đường K2, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 30.000.000.000 VND. Tương đương 3.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 010300903 ngày 28 tháng 09 năm 2005, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh máy biến áp và các loại thiết bị điện, khí cụ điện, vật liệu điện, máy móc kỹ thuật điện;
- Sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị điện công nghiệp có điện áp đến 110 KV;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp có điện áp đến 110 KV;
- Đại lý, ký gửi, bán buôn, bán lẻ hàng hóa, vật tư, thiết bị điện, điện tử, thông tin, viễn thông;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị điện;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống và cho thuê văn phòng (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ ##

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng thành phẩm máy biến thế được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	126.603.970	373.029.355
Tiền gửi ngân hàng	3.665.417.357	5.192.778.549
	<u>3.792.021.327</u>	<u>5.565.807.904</u>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	26.074.800
Bảo hiểm xã hội	34.726.680	-
Bảo hiểm y tế	9.339.200	-
Phải thu khác	15.990.280	-
	<u>60.056.160</u>	<u>26.074.800</u>

5 . HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.794.647.845	13.476.275.775
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.581.262.963	2.070.551.568
Thành phẩm	4.442.287.779	4.004.075.170
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>24.818.198.587</u>	<u>19.550.902.513</u>

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tạm ứng	11.000.000	-
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	17.900.059	389.242.500
	<u>28.900.059</u>	<u>389.242.500</u>

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	16.274.000	16.274.000
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	16.274.000	16.274.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	16.274.000	16.274.000
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	16.274.000	16.274.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Đầu kỳ	-	-
Cuối kỳ	-	-

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Số dư đầu kỳ	453.580.405	372.117.879
Số tăng trong kỳ	111.561.820	108.769.879
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(137.086.676)	(106.154.469)
Số dư cuối kỳ	428.055.549	374.733.289
Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:		
	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	305.555.549	306.580.405
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	122.500.000	147.000.000
	428.055.549	453.580.405

10 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	5.707.000.005	7.426.252.005
- Vay ngân hàng	-	219.252.005
- Vay tổ chức khác	5.707.000.005	7.207.000.000
	5.707.000.005	7.426.252.005

Chi tiết vay ngắn hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tổng Công ty Thiết bị kỹ thuật điện ⁽¹⁾	5.670.000.000	5.670.000.000
Ông Nguyễn Kiến Thiết	-	1.500.000.000
Ông Phí Hữu Tâm ⁽²⁾	37.000.000	37.000.000
Ngân hàng Công thương Hoàn Kiếm	5	219.252.005
	5.707.000.005	7.426.252.005

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay

(1) Hợp đồng vay vốn số 001/2009/HĐVV/TBĐVN-CTBT ngày 02/04/2009 và các phụ lục với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Tổng số tiền cho vay là 1.620.000.000 VND;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn vay: đến 30/09/2010;
- + Lãi suất cho vay: 9% /năm;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

Hợp đồng vay vốn số 003/2009/HĐVV/TBĐVN-CTBT ngày 12/05/2009 và các phụ lục với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Tổng số tiền cho vay là 4.050.000.000 VND;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn vay: đến 30/09/2010;
- + Lãi suất cho vay: 9% /năm;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

(2) Hợp đồng vay ngày 31/12/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 11% /năm;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	291.861.028	529.929.743
Các loại thuế khác	16.641.535	13.842.800
	<u><u>308.502.563</u></u>	<u><u>543.772.543</u></u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	129.608.520	165.870.000
	<u><u>129.608.520</u></u>	<u><u>165.870.000</u></u>

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	304.716.180	-
Cổ tức phải trả	-	2.400.000.000
	<u><u>304.716.180</u></u>	<u><u>2.400.000.000</u></u>

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.000.000.000	30.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	30.000.000.000	30.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	30.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.200.000.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	1.200.000.000	-

Theo Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 06/04/2010, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận của năm 2009 như sau:

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số tiền</u>
	(%)	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		5.091.056.255
Trích Quỹ Đầu tư phát triển		1.000.000.000
Trích Quỹ phúc lợi		91.056.255
Trích Quỹ Công đoàn		300.000.000
Chi trả cổ tức (*)	12	3.600.000.000

(*) Trong đó có 2.400.000.000 VND đã tạm chia trong năm 2009 theo Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 16/CTBT/NQ-HDQT ngày 29/09/2009.

d) Cổ phiếu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.000.000	3.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>6/30/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.583.775.960	2.583.775.960
	<u>3.583.775.960</u>	<u>2.583.775.960</u>

15 . NGUỒN KINH PHÍ

	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	1.010.000.000	-
Chi sự nghiệp (*)	(200.000.000)	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	<u>810.000.000</u>	<u>-</u>

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	31.300.750.195	30.495.142.829
Doanh thu bán hàng hóa	-	9.800.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	263.818.182	518.856.000
	31.564.568.377	31.023.798.829

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	29.621.728.303	26.346.501.218
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	9.785.160
	29.621.728.303	26.356.286.378

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	100.091.471	54.537.604
	100.091.471	54.537.604

19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	305.757.064	472.031.953
	305.757.064	472.031.953

20 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí nhân công	58.046.240	84.036.970
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.099.091	7.742.297
Chi phí khác bằng tiền	30.164.454	42.432.910
	89.309.785	134.212.177

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	13.007.102	19.408.397
Chi phí nhân công	632.341.562	871.726.540
Chi phí khấu hao tài sản cố định	68.006.048	75.425.422
Thuế, phí, lệ phí	135.272.849	-
Chi phí dự phòng	206.175.576	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.528.157	56.709.340
Chi phí khác bằng tiền	324.315.068	434.825.019
	1.419.646.362	1.458.094.718

22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

22.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	228.218.334	2.657.711.207
Tổng lợi nhuận tính thuế	228.218.334	2.657.711.207
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	57.054.584	664.427.802
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(23.063.799)	(414.353.376)
- Giảm 50% thuế TNDN TN từ KD máy biến áp	(21.779.002)	(291.755.117)
- Giảm 50% thuế TNDN TN từ dầu tư chiều sâu TSCĐ	(1.284.797)	(15.423.505)
- Giảm 30% thuế TNDN theo TT 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009	-	(107.174.754)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33.990.785	250.074.426

Thuyết minh ưu đãi thuế của Công ty gồm:

1. Theo hướng dẫn tại Công văn số 121165/CT/HTr ngày 01/09/2006 của Cục thuế Thành phố Hà Nội, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được xác định như sau:

- Công ty Cổ phần Chế tạo Biến thể và Vật liệu điện Hà Nội tiếp tục được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN cho khoảng thời gian còn lại của các hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của 2 công ty được hợp nhất.

- Tuy nhiên, Công ty chưa thể tách riêng được doanh thu, chi phí của sản phẩm máy biến áp được miễn thuế TNDN, nên thu nhập chịu thuế TNDN của hoạt động kinh doanh được miễn, giảm thuế TNDN được xác định:

$$\begin{matrix} \text{Thu nhập chịu thuế TNDN của hoạt} & & \text{Tổng thu} & & \text{Tỷ lệ \% doanh thu của hoạt động} \\ \text{động kinh doanh được miễn, giảm} & = & \text{nhập chịu} & \times & \text{kinh doanh được miễn giảm thuế} \\ \text{thuế TNDN được xác định:} & & \text{thuế} & & \text{so với tổng doanh thu} \end{matrix}$$

Miễn 2 năm đầu và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo thuế TNDN phải nộp đối với lợi nhuận thu được từ máy biến áp (kể từ năm 2005):

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
- Doanh thu máy biến áp	24.097.794.101	27.245.554.809
- Tổng doanh thu	31.564.568.377	31.023.798.829
- Tỷ lệ doanh thu máy biến áp / tổng doanh thu	76,34%	87,82%
- Lợi nhuận được giảm 50% thuế TNDN	<u>174.232.017</u>	<u>2.334.040.933</u>
Thuế TNDN được giảm	<u>21.779.002</u>	<u>291.755.117</u>

2. Được miễn thuế đối với lợi nhuận từ việc đầu tư chiều sâu Hệ thống làm thu lôi van TSCĐ: Miễn thuế TNDN năm đầu từ năm 2007; giảm 50% trong 4 năm tiếp theo (kể từ năm 2007):

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
- Tổng giá trị TSCĐ đầu tư mới năm 2007	1.524.374.800	1.524.374.800
- Tổng giá trị TSCĐ tại ngày cuối kỳ	33.846.825.958	32.834.203.895
- Tỷ lệ TSCĐ đầu tư mới 2007/Tổng TSCĐ	4,50%	4,64%
- Lợi nhuận được giảm 50% thuế TNDN	<u>10.278.372</u>	<u>123.388.038</u>
Thuế TNDN được giảm	<u>1.284.797</u>	<u>15.423.505</u>

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	194.227.549	2.407.636.781
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	194.227.549	2.407.636.781
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	65	803

24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.872.337.448	20.691.730.578
Chi phí nhân công	2.606.431.775	3.232.921.361
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.219.625.510	984.687.535
Chi phí dịch vụ mua ngoài	548.227.764	151.102.045
Chi phí khác bằng tiền	624.224.646	1.548.442.948
	31.870.847.143	26.608.884.467

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</u>	<u>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009</u>
		VND	VND
Vay ngắn hạn			
- Tổng Công ty Vật liệu điện Việt Nam	Nhà đầu tư	-	4.050.000.000
Trả nợ vay			
- Tổng Công ty Vật liệu điện Việt Nam	Nhà đầu tư	-	6.833.899.000
Trả lãi vay			
- Tổng Công ty Vật liệu điện Việt Nam	Nhà đầu tư	263.655.000	405.340.000
Thanh toán cổ tức			
- Tổng Công ty Vật liệu điện Việt Nam	Nhà đầu tư	1.620.000.000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
		VND	VND
Vay ngắn hạn			
- Tổng Công ty Vật liệu điện Việt Nam	Nhà đầu tư	5.670.000.000	5.670.000.000

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 30/06/2009, các báo cáo này đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Trong kỳ, do sửa đổi chế độ kế toán vì vậy một số chỉ tiêu đầu kỳ đã được phân loại và trình bày lại cho phù hợp để so sánh với số liệu cuối kỳ này:

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại và trình bày lại</u>	<u>Đã trình bày trên báo cáo năm trước</u>
		VND	VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ ngắn hạn	310	19.777.765.864	19.618.481.362
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	323	159.284.502	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	159.284.502
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	431	-	159.284.502

Nguyễn Thị Lý
Kế toán trưởng

Đoàn Thế Dũng
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 08 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO BIẾN THỂ VÀ VẬT LIỆU ĐIỆN HÀ NỘI

Số 11, đường K2, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	13.065.705.333	17.419.046.810	2.096.248.331	1.155.944.848	33.736.945.322
Số tăng trong kỳ	-	-	-	93.606.636	93.606.636
- Mua sắm mới	-	-	-	93.606.636	93.606.636
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	13.065.705.333	17.419.046.810	2.096.248.331	1.249.551.484	33.830.551.958
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	5.577.332.260	6.442.310.795	819.596.051	935.873.055	13.775.112.161
Số tăng trong kỳ	290.660.904	764.625.396	105.593.664	51.395.546	1.212.275.510
- Trích khấu hao	290.660.904	764.625.396	105.593.664	51.395.546	1.212.275.510
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	5.867.993.164	7.206.936.191	925.189.715	987.268.601	14.987.387.671
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Đầu kỳ	7.488.373.073	10.976.736.015	1.276.652.280	220.071.793	19.961.833.161
Cuối kỳ	7.197.712.169	10.212.110.619	1.171.058.616	262.282.883	18.843.164.287

Theo Báo cáo kiểm kê tài sản cố định, tại thời điểm 30/06/2010 tồn tại một số tài sản cố định hiện chưa sử dụng với tổng nguyên giá 2.872.377.304 VND, giá trị còn lại 1.702.645.553 VND, khấu hao đã trích trong kỳ của các tài sản cố định này là 1.169.731.751 VND.

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	30.000.000.000	3.267.775.000	2.583.775.960	-	2.891.056.255	38.742.607.215
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	194.227.549	194.227.549
Phân phối quỹ	-	-	1.000.000.000	-	(1.391.056.255)	(391.056.255)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>30.000.000.000</u>	<u>3.267.775.000</u>	<u>3.583.775.960</u>	<u>-</u>	<u>494.227.549</u>	<u>37.345.778.509</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	VND	(%)
Vốn góp của Nhà nước	13.500.000.000	13.500.000.000	45,00%
Vốn góp của đối tượng khác	16.500.000.000	16.500.000.000	55,00%
- Pháp nhân nắm giữ	-	-	0,00%
- Thẻ nhân nắm giữ	16.500.000.000	16.500.000.000	55,00%
	<u>30.000.000.000</u>	<u>30.000.000.000</u>	<u>100,00%</u>

26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Máy biến áp	Thiết bị điện	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	24.097.794.101	4.678.659.094	2.788.115.182	31.564.568.377	-	31.564.568.377
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.416.482.043	503.866.729	22.491.302	1.942.840.074	-	1.942.840.074
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	-	-	-	-	93.606.636
Tài sản bộ phận	21.126.703.505	4.833.808.011	-	25.960.511.516	-	25.960.511.516
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	32.167.039.104
Tổng tài sản				25.960.511.516	-	58.127.550.620
Nợ phải trả của các bộ phận	8.181.325.201	462.764.590	-	8.644.089.791	-	8.644.089.791
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	11.327.682.320
Tổng nợ phải trả				8.644.089.791	-	19.971.772.111